

Bàn về cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ trong giai đoạn hiện nay

GS, TS MẠCH QUANG THẮNG

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh Email: machquangthang2@gmail.com

Nhận ngày 28 tháng 9 năm 2022; chấp nhận đăng tháng 11 năm 2022.

Tóm tắt: Ở Việt Nam hiện nay, Đảng, Nhà nước, nhân dân là ba chủ thể quyền lực trong xã hội. Sự thể hiện quyền lực của chúng là ở vấn đề vận hành theo “cơ chế” tương ứng: lãnh đạo, quản lý, làm chủ. Giai đoạn hiện nay là giai đoạn phát huy hiệu quả của sự vận hành cơ chế đó. Đã có không ít công trình khoa học nghiên cứu vấn đề này. Bài viết bàn sâu thêm trên một số khía cạnh nhận thức theo tinh thần của Cương lĩnh năm 1991 (bổ sung, phát triển năm 2011) và Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

Từ khóa: cơ chế; Đảng lãnh đạo; Nhà nước quản lý; nhân dân làm chủ.

Abstract: In Vietnam today, the Party, State and people are three powerful actors in society. Their power is expressed in a "mechanism" of leadership, management, and mastery respectively. It is time to promote the effective operation of that mechanism. There have been a lot of scientific works studying this issue. The article further discusses some cognitive aspects in the spirit of the 1991 Credo (supplemented and developed in 2011) and the Resolution of the 13th Party Congress.

Keywords: mechanism; Party's leadership; State's management; people's mastery.

1. Một vài vấn đề chung

Về quan niệm: Tiếng Anh, cơ chế là *mechanism*. Theo rất nhiều từ điển Anh - Việt, chuyển nghĩa sang tiếng Việt, có nghĩa là *máy móc, cơ cấu, cơ chế* (nghĩa đen), và *cơ cấu chính quyền* (nghĩa bóng). Tiếng Nga, cơ chế là *механизм*, trong các từ điển Nga - Việt, cũng chuyển nghĩa tương tự như vậy. Diễn giải nghĩa thì cơ chế là sự tổng hợp các yếu tố cần phải có của một sự vật, đồng thời mỗi yếu tố đó vận hành theo một nguyên tắc bắt buộc để chế định sự vật đó tồn tại đúng như bản chất của nó. Quan niệm này cho chúng ta hiểu rằng, nếu yếu tố nào đó của sự vật vận hành khác đi thì sẽ làm cho sự vật biến sang bản chất khác, và như vậy nó trở thành sự vật khác. Sự vật đó có cơ chế tồn tại và vận hành giống như cấu tạo của một nguyên tử hoá học, ở chỗ: nếu nguyên tử carbon cấu tạo và vận

hành với các nguyên tử theo dạng của cấu tạo hóa trị nhất định thì sự vật đó là kim cương, còn vẫn là các nguyên tử carbon như vậy nhưng nếu cấu tạo hóa trị khác và vận hành của các nguyên tử theo kiểu khác thì nguyên tố carbon này chỉ là cục than chứ không phải là kim cương.

Cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ được cấu tạo bởi ba yếu tố: Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nhân dân Việt Nam. Ba yếu tố ấy vận hành ra sao, thì ở mệnh đề trên cho chúng ta thấy những từ tương ứng: lãnh đạo, quản lý, làm chủ.

Khái lược về lịch sử nghiên cứu vấn đề: vấn đề cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ đã được nhiều tập thể và cá nhân nghiên cứu. Đầu tiên là một đề tài cấp nhà nước, trước cả giai đoạn 1991 - 1995 (là giai

đoạn bắt đầu “rộ” lên các chương trình, đề tài khoa học xã hội cấp nhà nước) do Viện Mác - Lênin đảm nhiệm (tên Viện Mác - Lênin lúc đó. Sau này là Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh - rồi sau này nữa sáp nhập cùng Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh). Đề tài này có sự cố vấn của đồng chí Phạm Văn Đồng, lúc này đang làm Thủ tướng. Những người thực hiện đề tài đã tổ chức được không ít cuộc hội thảo, tọa đàm khoa học, đã mời được một số cán bộ lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước đến phát biểu, v.v.

Sau thời kỳ của đề tài này, nội dung vấn đề cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ xuất hiện ở trên một số diễn đàn của tạp chí khoa học - chính trị. Có lúc, một số người đặt về “nhân dân làm chủ” ngay sau về “Đảng lãnh đạo” chứ không đặt sau cùng. Và người ta cũng lý giải rất khác nhau, nhất là vấn đề này lại được đặt trong cụm từ “cơ chế”. Điều đáng quan tâm hơn cả hiện nay là tình hình đã khác giai đoạn nghiên cứu trước nhiều bởi một về “Nhà nước quản lý” đang ở trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, mà trước đây Đảng chưa đặt ra.

2. Về các mối quan hệ khi vận hành

2.1. Đảng Cộng sản Việt Nam là yếu tố chủ đạo của mối quan hệ.

Đảng lãnh đạo, và từ khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập ngày 2.9.1945, sự lãnh đạo của Đảng được cụ thể hóa bằng cụm từ Đảng cầm quyền. Sự cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam không tự nhiên mà có và không phải cứ tự nhận mà được. Sự cầm quyền đó là kết quả của quá trình lãnh đạo đúng đắn, sự hy sinh của bao chiến sĩ cộng sản “đem máu mình tưới cho cây độc lập” (Hồ Chí Minh), từ đó nhân dân, dân tộc tin yêu trao cho Đảng trách nhiệm cầm quyền để tiếp tục xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đảng cầm quyền là Đảng lãnh đạo Nhà

nước và toàn xã hội. Phạm vi lãnh đạo là toàn diện. Hồ Chí Minh đưa ra quan niệm hợp lý như sau: “Trước đây, Đảng ta tổ chức đánh Tây, đánh Nhật rất gian nan cực khổ. Nhưng so với trước, công việc bây giờ khó khăn hơn, to lớn hơn, phức tạp hơn. Bây giờ, Đảng ta phải làm nhiều chuyện: xây dựng nhà máy, xây dựng hợp tác xã; làm sao cho người nông dân, người công nhân ăn no, mặc ấm; làm sao cho nước càng ngày càng mạnh, dân càng ngày càng giàu... Dân không đủ muối, Đảng phải lo. Dân không có gạo ăn đủ no, dân không có vải mặc đủ ấm, Đảng phải lo. Các cháu bé không có trường học, Đảng phải lo... Tất cả mọi việc, Đảng phải lo. Việc xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản, đấu tranh giành thống nhất nước nhà, Đảng phải lo. Ngay đến cả tương, cà, mắm, muối của dân, Đảng đều phải lo”⁽¹⁾. Từ đó, chúng tôi cho rằng, lãnh đạo toàn diện của Đảng cầm quyền phải biến thành: 1) Đường lối chính trị chứ không nhất thiết phải ra những quyết định cụ thể có tính chất như công việc của chính quyền. Sự lãnh đạo này còn thông qua việc lãnh đạo Quốc hội thể chế hóa cương lĩnh, đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng thành pháp luật. 2) Sự lãnh đạo toàn diện của Đảng thông qua tất cả các tổ chức Đảng trong hệ thống chính trị, trong đó đặc biệt là thông qua Nhà nước. 3) Đảng lãnh đạo toàn diện thông qua đội ngũ cán bộ, đặc biệt là bố trí những cán bộ Đảng vào vị trí chủ chốt nhất, đặc biệt là người đứng đầu của các tổ chức Nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội. Đảng thống nhất quản lý toàn bộ công tác cán bộ, tức là “nắm” con người; “nắm” đường đi nước bước, “nắm” chủ trương lớn; ở đâu, ở bất cứ lĩnh vực nào, cấp nào, dù đó là chủ trương, quyết định của chính quyền, của các đoàn thể chính trị - xã hội, có thể tuy không công khai, nhưng đều mang tinh thần sự lãnh đạo của Đảng. Nếu có những biểu hiện khác đi là không được, cần phải điều chỉnh cho đúng “ý Đảng” và biến “ý Đảng” thành “lòng dân”. Tất nhiên, cần thiết có cả

phương thức và nghệ thuật để thực hiện cái “biến” đó chứ không thể thô thiển, mất dân chủ.

4) Cấu tạo quyền lực của chế độ mới không theo tam quyền phân lập. Ngay cả tìm trong những bài nói, bài viết và cách làm của nguyên thủ quốc gia - lãnh tụ Đảng Hồ Chí Minh cũng không thấy. Không theo tam quyền phân lập - đó là nguyên tắc trong cơ chế hoạt động của hệ thống chính trị nước ta ngay từ khi thành lập năm 1945. Cơ chế này cho phép Đảng cầm quyền lãnh đạo/chi đạo hoạt động của các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp, ngay cả việc cho ý kiến về các vụ án lớn.

Sự lãnh đạo của Đảng là yếu tố chủ đạo trong mối quan hệ Đảng - Nhà nước - nhân dân. Nhưng hiện nay, Đảng cần đặc biệt phải chú ý trong sự lãnh đạo trong điều kiện mới. Biểu hiện chủ yếu rõ nhất là Đảng Cộng sản Việt Nam đang là một đảng duy nhất trong xã hội và là Đảng cầm quyền. Việc dứt khoát không chấp nhận đa nguyên chính trị và đa đảng đối lập là quyết sách chính trị hoàn toàn cần thiết và đúng đắn. Song, như vậy, cũng cần phải thấy rằng, có nhiều nguy cơ sau đây làm cho Đảng thoái hoá, biến chất, phải đề phòng: 1) Không có lực lượng nào phản biện với tư cách một tổ chức chính trị đủ mạnh cho Đảng. Dùng Mặt trận để phản biện là cần thiết, nhưng vẫn chưa đủ sức cần thiết. Chưa có cơ chế nào cho toàn thể nhân dân phản biện một cách rộng rãi, ngoài việc quy định định kỳ tiếp dân ở các cấp. Nếu không có sự phản biện, và nếu có nhưng chưa đủ mạnh, thì Đảng sẽ dễ chủ quan, duy ý chí, đường lối chính trị dễ bị sai lầm, hành động thực tế dễ bị độc đoán, chuyên quyền, làm mất dân chủ trong xã hội và không bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, không bảo đảm và phát huy vai trò quản lý của Nhà nước. 2) Trong Đảng đang có tình trạng một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; do vậy dẫn đến nguy cơ mất Đảng từ tác động bên trong bản thân Đảng, chưa kể tác động từ bên ngoài

của “diễn biến hoà bình”. Đừng đổ lỗi cho cơ chế thị trường. Ngay từ Đại hội X, Đảng đã cho rằng: “Thoái hoá, biến chất về chính trị, tư tưởng, về đạo đức, lối sống; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, sách nhiễu dân trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên diễn ra nghiêm trọng, kéo dài chưa được ngăn chặn, đẩy lùi, nhất là trong các cơ quan công quyền, các lĩnh vực xây dựng cơ bản, quản lý đất đai, quản lý doanh nghiệp nhà nước và quản lý tài chính, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng. Đó là một nguy cơ lớn liên quan đến sự sống còn của Đảng, của chế độ”⁽²⁾. Tham nhũng, lãng phí, quan liêu xảy ra có lúc nghiêm trọng. Chỉ những người có chức, có quyền, những cán bộ, công chức nắm trong tay quyền và tiền, của cải mới có khả năng tham nhũng được (mà tuyệt đại đa số trong đó là đảng viên). Lần đầu tiên, tại một Đại hội như Đại hội X, trong Báo cáo về công tác xây dựng Đảng, đã nhận định: “vẫn còn tình trạng “chạy chức”, “chạy quyền”, “chạy tội”, “chạy bằng cấp””⁽³⁾. Xưa nay các kiểu “chạy” như thế người ta đã nói nhiều, thậm chí người ta nói nhiều kiểu “chạy” nữa, nhưng đó là nói kiểu dân già, nói ở “bàn trà”! Còn bây giờ đã đưa vào văn kiện của Đại hội. Ai chạy? Chạy ai? Đó là tình trạng đáng báo động.

Sự lãnh đạo của Đảng trong hàng chục năm nay chứng tỏ rằng, Đảng đã biến cái có thể thành hiện thực. Nhưng, Đảng cũng có thể biến những điều hiện thực thành con số không, khi Đảng bị suy thoái và dẫn đến sụp đổ. Lúc đó, mọi thành quả mà cách mạng đã giành được bằng bao núi xương sông máu, bao mồ hôi, nước mắt phút chốc sẽ bị biến mất. Đến lúc đó, cái gọi là cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ cũng bị tiêu tan. Đây là lý lẽ chủ yếu để lập luận rằng, chính là Đảng, chứ không phải tổ chức nào khác, đóng vai trò trung tâm, vai trò tiên quyết, vai trò quyết định cho sự vận hành của cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Nhân dân, dù có vĩ đại đến

đâu đi chẳng nữa, nhưng nếu không có, không còn sự lãnh đạo của Đảng thì mọi thứ vĩ đại đó đều trở nên vô nghĩa.

2.2. Nhà nước quản lý nhưng đang xây dựng Nhà nước pháp quyền

Việt Nam đang xây dựng Nhà nước pháp quyền, nhưng có vẻ sau là “xã hội chủ nghĩa của nhân dân, vì nhân dân do Đảng lãnh đạo”. Cho đến nay, việc nghiên cứu để chỉ ra thật rõ là tính chất xã hội chủ nghĩa của Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam còn chưa thật sâu sắc. Làm thế nào để bảo đảm và phát huy vai trò quản lý của Nhà nước ta trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền? Đây là vấn đề không đơn giản trong khi phân tích cả về mặt lý luận và cả về mặt thực tiễn. Cần bàn thêm rằng, ở các nước theo chế độ đa nguyên chính trị và đa đảng, có đảng đối lập, và hoạt động theo “đảng nghị trường” thì vai trò nhà nước không những là trung tâm mà còn là số 1 trong cấu tạo và vận hành của quyền lực xã hội. Còn ở Việt Nam hoàn toàn khác. Đảng Cộng sản Việt Nam, chứ không phải bất cứ một tổ chức nào khác, đứng ở vị trí lãnh đạo toàn xã hội, cũng tức là vai trò “kiến tạo” thuộc về Đảng.

Trong nhà nước pháp quyền, pháp luật chiếm vị trí, vai trò tối thượng trong mọi mặt của đời sống xã hội. Nhưng ở Việt Nam, cái vẻ “do Đảng lãnh đạo” lại chế định vấn đề không nhất thiết phải như vậy, mặc dù sự lãnh đạo của Đảng đối với xã hội có nhiều nội dung phải được thể chế hoá qua hoạt động của Nhà nước. Trong công tác cán bộ của cả hệ thống chính trị, Đảng đề ra nguyên tắc: đảng thống nhất lãnh đạo, quản lý công tác cán bộ của cả hệ thống chính trị. Điều đó đúng khi đặt đảng vào vị trí, vai trò là đảng cầm quyền, là hạt nhân đồng thời là thành tố lãnh đạo của hệ thống chính trị. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đang cần có cơ sở “pháp trị”, có sự lãnh đạo của Đảng được đổi mới cả về nội dung và phương thức để vừa bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, vừa để Nhà nước hoạt động một cách thông thường theo

đúng chức năng “cai trị” (hiện nay là Nhà nước quản lý, Nhà nước dịch vụ công, Nhà nước phục vụ...), trong đó, mọi quan hệ ứng xử của công dân và bản thân tổ chức Đảng, bản thân đảng viên đều buộc phải đặt trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Điều lệ, nghị quyết của Đảng có thể khác nhưng không trái với Hiến pháp và pháp luật.

2.3. Nhân dân làm chủ phải là yếu tố trung tâm của cơ chế.

Nhiều người đã rất có lý khi nhấn mạnh tầm quan trọng đặc biệt của vẻ “nhân dân làm chủ” trong cơ chế này khi nó biểu hiện ở chỗ: quyền lực của Đảng và Nhà nước đều từ quyền lực do nhân dân mà ra. Đảng ra đời, tồn tại, phát triển không vì mục đích tự thân mà vì giai cấp công nhân, vì nhân dân lao động và toàn dân tộc. Điều này đã được Hồ Chí Minh nêu rõ và từ Đại hội X năm 2006 trở đi, Đảng đã xác nhận: “Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc”⁽⁴⁾.

Trong lịch sử Việt Nam và thế giới, đã có tư tưởng tôn dân lên hàng tối thượng trong cấu tạo của quyền lực nhà nước và quyền lực xã hội (Có tư tưởng thôi, còn vận hành trong thực tế lại không có). Trần Quốc Tuấn thời nhà Trần thế kỷ XIII nói rằng, phải khoan thư sức dân để làm kế sâu bèn gốc. Nguyễn Trãi, nhà tư tưởng và chiến lược gia đời nhà Lê thế kỷ XV cho rằng, chớ thuyền và lật thuyền đều do dân. Cuộc cách mạng Mỹ sản sinh tư tưởng đề cao quyền lực của nhân dân mà Hồ Chí Minh đã nhắc lại ý đó 2 lần qua tác phẩm *Đường cách mệnh* (năm 1927) và qua lần đi thăm Thanh Hoá tháng 2.1947: nếu chính phủ nào làm hại dân chúng thì dân chúng có quyền đánh đổ chính phủ ấy đi mà gây nên một chính phủ khác. Hồ Chí Minh còn phát triển sáng tạo so với C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin khi Người cho rằng,

Đảng do dân lập nên để phục vụ nhân dân. Đảng chỉ có một mục đích là giành độc lập cho dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng. Và khi diễn đạt tại Đại hội II của Đảng năm 1951, Hồ Chí Minh cho rằng, Đảng ta là Đảng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động, và do đó Đảng là của dân tộc Việt Nam, v.v. Ngay cả chức vụ Chủ tịch Chính phủ của mình, khi trả lời các nhà báo nước ngoài đầu năm 1946, Hồ Chí Minh cũng quan niệm là do dân uỷ thác cho: “Tôi tuyệt nhiên không ham muốn công danh phú quý chút nào. Bây giờ phải gánh chức Chủ tịch là vì đồng bào uỷ thác thì tôi phải gắng sức làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh của quốc dân ra trước mặt trận. Bao giờ đồng bào cho tôi lui, thì tôi rất vui lòng lui”⁽⁵⁾. Theo đúng tư tưởng Hồ Chí Minh và của Đảng ta, ngay từ bản Hiến pháp đầu tiên năm 1946 cũng như ba bản Hiến pháp sau này nữa, trong cấu tạo quyền lực của nhà nước, của xã hội, thì nhân dân đều được đặt ở vị trí vừa trung tâm, vừa ở vị trí tối thượng: tất cả mọi quyền lực đều thuộc về nhân dân. Xem thế đủ thấy tầm quan trọng của quyền lực nhân dân. Và, như thế mới đúng là vai trò “làm chủ” trong toàn bộ cơ chế vận hành “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”.

Nhưng, vai trò làm chủ của nhân dân nhiều lúc, nhiều nơi trong thực tế bị “mờ nhạt”. Điều này biểu hiện ở nhiều điểm, nhưng rõ nhất là:

1) Nhân dân làm chủ thường là gián tiếp và đó là tình hình phổ biến nhất hiện nay. Nhân dân ta đã tham gia xây dựng Đảng chủ yếu bằng góp ý kiến, giám sát, kiểm soát đường lối, chủ trương của Đảng, kể cả cán bộ, đảng viên. Nhân dân (cử tri) bầu các đại biểu của cơ quan Nhà nước để thay mặt mình quản lý xã hội. Cũng có một số trường hợp nhân dân làm chủ và thực hiện quyền dân chủ trực tiếp, nhưng không nhiều (chủ yếu là ở cơ sở). Trong lịch sử hoạt động của Nhà nước Việt Nam mới, chưa thấy có trung cầu ý dân, điều mà trong Hiến pháp đầu tiên của nước

ta ghi rõ là “Toàn dân phúc quyết”.

2) Hơn nữa, nhân dân ở đây là khái niệm rộng. Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội ở Việt Nam chưa thể là toàn thể nhân dân. Trong các hoạt động xã hội hiện nay, thường mang dấu ấn rất đậm của sự lãnh đạo của Đảng.

3) Trong thực tế, quyền làm chủ của nhân dân có lúc, có nơi bị vi phạm nghiêm trọng (rõ nhất là qua xử lý vướng mắc về đất đai). Trong lịch sử phát triển của nước Việt Nam mới, chưa từng có hiện tượng như mấy năm gần đây, xảy ra khiếu kiện của nhân dân một cách rộng khắp, dai dẳng. Trình độ dân chủ trong xã hội đang lên cao, nhưng nhiều người dân bị bức xúc nhiều chuyện, trong đó đặc biệt là những vấn đề thuộc về đất đai, trong giao dịch với các cấp chính quyền để thụ hưởng các dịch vụ từ các cơ quan nhà nước. Dân chủ, theo quan điểm của Hồ Chí Minh, thì dân là chủ và dân làm chủ, nhưng trong thực tế còn có sự vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, có nơi rất nghiêm trọng. Hiện tượng “quan chủ” (hai chữ này Hồ Chí Minh hay dùng để đối lập với “dân chủ”) vẫn còn không ít.

3. Về điều kiện thực hiện cơ chế

Như vậy, để vận hành được tốt cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”, cần có những vấn đề có tính chất ràng buộc các yếu tố giữa chúng:

Trước hết, bản thân Đảng phải trong sạch, vững mạnh. Nếu không như vậy thì chẳng còn cái gì để nói về cơ chế cả. Vì vậy, đây là điều kiện tiên quyết. Và điều này cũng thể hiện cái về “Đảng lãnh đạo” trong mối quan hệ của cơ chế là Đảng đứng ở vị trí, vai trò chủ đạo nhất, là chủ thể của các chủ thể các mối quan hệ. Làm thế nào để Đảng trở thành và xứng đáng vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ, công bộc thật sự trung thành của nhân dân? Đảng ta đang tiến hành lãnh đạo thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII cũng như lãnh đạo thực hiện các nghị quyết Hội nghị Trung ương, rồi lãnh đạo cuộc vận động tiếp tục đẩy mạnh học tập và

làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là sự thể hiện làm cho Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh, làm nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Vấn đề ở chỗ: nói phải đi đôi với làm, tránh tình trạng 4 biểu hiện hiện nay: nói mà không làm; nói thì hay làm thì dở; nói thì nhiều làm thì ít; nói một đằng làm một nẻo.

Hai là, bản thân Đảng phải tiếp tục đổi mới có hiệu quả hơn nữa phương thức lãnh đạo đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội. Lãnh đạo như thế nào đó để thể hiện được mình là tổ chức định hướng phát triển cho toàn dân tộc, nhưng không sa vào “đảng trị”. Đảng lãnh đạo nhưng không đứng trên ai cả. Đảng là con của nhân dân. Đảng chịu khế ước mình trong một xã hội có nền dân chủ và nhất nhất mọi hoạt động của mình đều phải nằm trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Đảng, cán bộ, đảng viên đứng trên và đứng ngoài pháp luật, đừng là “quan chủ”, đừng để có tình trạng “thượng bất chính” làm cho “hạ tắc loạn”.

Ba là, Đảng phải gắn bó chặt chẽ với nhân dân (Đảng gắn bó máu thịt với nhân dân). Nhân dân là cội nguồn của mọi sức mạnh. Vì vậy, mọi biểu hiện Đảng xa dân, coi thường dân, ức hiếp dân, gây phiền phức cho dân... đều là những biểu hiện của quá trình Đảng tự suy yếu và đi đến tan rã và cũng là biểu hiện của sự lỏng lẻo, sự phá vỡ cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”.

Bốn là, phải làm tốt chức năng lập pháp, hành pháp, tư pháp. Trong xã hội hiện đại hiện nay, Nhà nước còn làm các dịch vụ xã hội, mà ở đó thể hiện mọi quan hệ để giữ ổn định chính trị-xã hội, làm cho xã hội phát triển bền vững. Dù là dưới sự lãnh đạo của Đảng, đội ngũ cán bộ, công chức hầu hết là đảng viên, cán bộ chủ chốt đều chịu sự quản lý của các tổ chức Đảng tương ứng, nhưng không vì thế mà Nhà nước hoạt động một cách thụ động. Một Nhà nước mạnh thì Đảng cầm quyền mới mạnh, và ngược

lại, Nhà nước mạnh thì quyền làm chủ của nhân dân mới được bảo đảm và phát huy. Nhà nước và hoạt động của nó ngày càng nhận được sự tham gia trực tiếp của nhân dân nhiều hơn và hoạt động đó có chất lượng cao bao nhiêu thì chất lượng của Nhà nước pháp quyền càng cao bấy nhiêu, xã hội càng thể hiện tính chất dân chủ bấy nhiêu.

Năm là, nhân dân làm chủ ở đây được hiểu với điều kiện là nhân dân đã được giác ngộ chính trị theo đường lối của Đảng. Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* (năm 1947), Hồ Chí Minh đã “chia” nhân dân thành ba hạng (hoặc ba loại): tiên tiến, chững chững, lạc hậu. Phân chia ra như vậy để Đảng có trách nhiệm và biện pháp tốt, phù hợp trong công tác vận động nhân dân, đồng thời để cán bộ, đảng viên không mắc vào bệnh “theo đuôi quần chúng”. Hồ Chí Minh hầu như muốn “thức tỉnh” cho mọi người, đưa ra thông điệp cho cán bộ, đảng viên biết rằng, nhân dân có sức mạnh vô địch, nhân dân có quyền lực tối cao, nhân dân là những người có kho sáng kiến, nhưng đó là nhân dân khi đã được giác ngộ. Trong thực tế, có không ít người không giác ngộ chính trị đã làm hại đến cộng đồng, thậm chí làm hại cả lợi ích quốc gia. Dân như thế nào thì Đảng và Nhà nước như thế ấy!

Do vậy, điều kiện ở đây được đặt ra là nhân dân phải là những người có trình độ giác ngộ về quyền và nghĩa vụ của mình. Đảng và Nhà nước cần có đường lối, chủ trương, chính sách để nâng cao dân trí (dân trí ở đây không theo nghĩa là bằng cấp học vấn), coi đó là một điều kiện không thể thiếu để bảo đảm sự vận hành một cách đúng đắn cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”.

Sáu là, cần cụ thể hoá hơn nữa về thể chế sự hoạt động của Đảng. Cần cụ thể hoá Điều 4 Hiến pháp năm 1992; xác định thật rõ ràng, cụ thể chức năng, nhiệm vụ của Đảng cầm quyền cũng như của từng chức danh cán bộ của Đảng trong mối quan hệ xã hội. Điều này không ảnh

hưởng gì đến việc nội bộ Đảng đề ra Điều lệ cho riêng mình và đề ra những quy định hoạt động hoặc các hành vi của đảng viên, nhưng những quy định đó không được trái với Hiến pháp và pháp luật. Đảng viên không phải là “siêu công dân” mà chỉ được coi là công dân gương mẫu. Cần góp phần làm tốt công tác quản lý các tổ chức Đảng và đảng viên, từ người có chức vụ cao nhất đến đảng viên; làm như thế cũng tức là bảo đảm nền dân chủ trong xã hội, bảo đảm cho Đảng vừa không buông lỏng lãnh đạo, vừa không lạm quyền, bao biện, làm thay chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước và của Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội khác.

Bây là thực hiện nhiều hơn nữa việc nhân dân trực tiếp thể hiện quyền làm chủ trong hoạt động của Đảng, nhất là trong hoạt động của Nhà nước. Ở nước ta hiện nay, không phải là nhân dân chưa có dịp thực hiện quyền làm chủ trực tiếp (hay dân chủ trực tiếp) trong các hoạt động xã hội, nhưng điều đó chưa nhiều, hiệu quả chưa cao. Do vậy, trong “đặc trưng” xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng của Cương lĩnh năm 1991 nêu là chúng ta xây dựng một “xã hội do nhân dân làm chủ”, thì cần tạo ra nhiều kênh cho nhân dân làm chủ trực tiếp. Dân được tham gia trực tiếp nhiều hơn nữa vào các quyết sách của Đảng, được “làm chủ” trực tiếp ở một góc độ nào đó, trong công tác cán bộ. Tổ chức nhiều đợt để nhân dân thực hành dân chủ trực tiếp, qua đó làm cho dân giác ngộ chính trị, phát huy quyền làm chủ về chính trị của mình đối với các vấn đề trọng đại của đất nước. Dân có quyền bãi miễn, theo thủ tục đơn giản nhất, những đại biểu do mình bầu ra khi thấy đại biểu đó không còn đủ tư cách và không hoàn thành nhiệm vụ. Nội dung này không có gì mới trong một xã hội được vận hành theo chế độ dân chủ.

Tám là, cần xác định thật rõ những đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nội dung này có thể nêu những nét

rất cơ bản trong quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng với tư cách là Đảng cầm quyền. Những đặc trưng đó là: 1) Nhà nước quản lý xã hội dựa trên cơ sở Hiến pháp và pháp luật. Mọi hoạt động trong xã hội đều tuân thủ theo Hiến pháp và pháp luật, kể cả Đảng cầm quyền; 2) Nhà nước phải chịu sự lãnh đạo thường xuyên của Đảng. Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội phải được thể chế hoá bằng luật định và các quy định có tính pháp quy; 3) Tất cả cấu tạo quyền lực của Nhà nước cũng như hoạt động của nó phải bảo đảm tất cả mọi quyền lực đều thuộc về nhân dân. Nhân dân có quyền kiểm soát Nhà nước, có quyền bãi miễn những đại biểu do mình bầu ra bất cứ lúc nào nếu đại biểu đó mất tư cách và không làm tròn nhiệm vụ tránh thủ tục rườm rà; 4) Nhà nước tôn trọng và khuyến khích sự vận hành, hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội hoặc bất cứ một tổ chức xã hội phi chính phủ nào theo đúng luật định; 5) Nhà nước có chức năng quản lý xã hội đồng thời có chức năng tổ chức các dịch vụ nhằm đáp ứng, chăm lo tất cả mọi yêu cầu chính đáng của nhân dân. Đây là chức năng biểu hiện rõ ràng nhất của cụm từ “Nhà nước của dân, do dân, vì dân”. Người dân đóng thuế nuôi bộ máy và nuôi công chức của Nhà nước thì Nhà nước phải phục vụ lại nhân dân như phục vụ ông chủ. Và, đây cũng là điểm biểu hiện rõ ràng của tư cách “nhân dân làm chủ” trong cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”/.

(1) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. CTQG, Hà Nội, T.13, tr.272.

(2), (3), (4) Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. CTQG, Hà Nội, tr.263 - 264, 263, 130.

(5) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. CTQG, Hà Nội, T.4, tr.187.